

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất đầu tư phát triển
sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên
địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ 22**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002 và Nghị định số 60/2006/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Sau khi xem xét Tờ trình số 7150/TTr-UBND ngày 20/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra số 115 /BC-HĐND ngày 08/12/2015 của Ban Kinh tế Ngân sách; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ lãi suất đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020, với các nội dung như sau:

1. Đối tượng được hỗ trợ lãi suất: Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, các chủ trang trại, hộ gia đình và cá nhân vay vốn của các tổ chức tín dụng để thực hiện đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp và Chương trình tỉnh Quảng Ninh - Mỗi xã, phường một sản phẩm (OCOP).

2. Các lĩnh vực đầu tư được hỗ trợ lãi suất vay vốn:

2.1. Đầu tư mới hoặc mở rộng quy mô sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa;

2.2. Đầu tư sản xuất các sản phẩm thuộc chương trình phát triển thương hiệu nông lâm, thủy sản tỉnh Quảng Ninh;

2.3. Đầu tư sản xuất, chế biến bảo quản kinh doanh và dịch vụ các sản phẩm thuộc Chương trình tỉnh Quảng Ninh - Mỗi xã phường một sản phẩm.

2.4. Đầu tư mới hoặc mở rộng quy mô các cơ sở chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản;

2.5. Đầu tư tiêu thụ nông, lâm, thủy sản hàng hoá thông qua hợp đồng;

2.6. Đầu tư các hoạt động dịch vụ hậu cần nghề cá, hoạt động bắt hải sản ở vùng biển xa bờ;

2.7. Kinh doanh, cung ứng máy móc, vật tư ngành nông, lâm, ngư nghiệp; Đầu tư các ngành nghề nông thôn, dịch vụ du lịch sinh thái trên địa bàn nông thôn có sử dụng lao động nông thôn (có danh mục chi tiết kèm theo).

3. Hạn mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất: Mỗi tổ chức, cá nhân vay vốn được hỗ trợ theo nhiều phương án, dự án sản xuất kinh doanh khác nhau; Mỗi dự án, phương án sản xuất kinh doanh được hỗ trợ lãi suất có mức dư nợ tối thiểu là 50 triệu đồng và tối đa không quá 10.000 triệu đồng trên địa bàn 1 huyện, thị xã, thành phố.

4. Mức hỗ trợ lãi suất là 6%/năm/số dư nợ thực tế. Mức hỗ trợ lãi suất được điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế, việc điều chỉnh mức hỗ trợ lãi suất giao Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và báo cáo với Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

5. Phạm vi, thời gian hỗ trợ lãi suất:

- Phạm vi được hỗ trợ lãi suất: Các hợp đồng tín dụng có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày chính sách này có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2020, bao gồm:

+ Các hợp đồng ký kết trước ngày chính sách này có hiệu lực còn dư nợ trong hạn.

+ Các hợp đồng ký kết trong khoảng thời gian có hiệu lực của chính sách này.

- Thời gian hỗ trợ lãi suất: Theo thời gian hiệu lực của từng hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng kể từ ngày chính sách này có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2020.

6. Nguồn vốn hỗ trợ lãi suất: Ngân sách tỉnh (Chương trình Xây dựng Nông thôn mới).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nội dung cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

- Thường trực, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

- Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 53/2012/NQ-HĐND ngày 11/7/2012, Nghị quyết số 113/2013/NQ-HĐND ngày 13/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khoá XII, kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 12/12/2015 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016./. *Hy*

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội, Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính;
- Ngân hàng nhà nước (báo cáo);
- TTTU, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể ở tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TTHĐND, UBND các H, TX, TP;
- VP UBND tỉnh;
- LĐ/CV Vp Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS3.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đọc



PHỤ LỤC: DANH MỤC NỘI DUNG CÁC LĨNH VỰC HỖ TRỢ LÃI SUẤT
(Kèm theo Nghị quyết số 232 /2015/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh)

STT	Lĩnh vực	Nội dung cụ thể	Ghi chú
1	Đầu tư mới hoặc mở rộng quy mô sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa	<ul style="list-style-type: none">- Đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp theo tiêu chí thực hành sản xuất nông nghiệp tốt VietGAP đã được cấp giấy chứng nhận hoặc được cấp chứng nhận công nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm (chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thủy sản, giấy chứng nhận đủ điều kiện cơ sở sản xuất nông nghiệp an toàn).- Đầu tư phát triển sản xuất theo hình thức trang trại đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận trang trại hoặc đạt tối thiểu 70% quy định của từng tiêu chí xác định kinh tế trang trại hiện hành (UBND cấp huyện, thị xã, thành phố nơi tổ chức sản xuất thẩm định tại thời điểm trước khi cấp hỗ trợ lãi suất).- Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trong vùng Quy hoạch "Vùng sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tập trung" được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.- Sản xuất, phát triển giống cây trồng, giống vật nuôi, giống cây lâm nghiệp, giống thủy, hải sản (cơ sở sản xuất giống phải đáp ứng tiêu chuẩn ngành về sản xuất giống vật nuôi, cây trồng, thủy sản, lâm nghiệp).- Đầu tư vào các khu ứng dụng công nghệ cao phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Đầu tư ứng dụng công nghệ cao phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp	
2	Đầu tư sản xuất các sản phẩm thuộc chương trình phát triển thương hiệu nông lâm, thủy sản tỉnh Quảng Ninh	<ul style="list-style-type: none">- Các sản phẩm thuộc Chương trình phát triển thương hiệu nông lâm, thủy sản tỉnh Quảng Ninh	
3	Đầu tư sản xuất, chế biến bảo quản kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ thuộc Chương trình Chương trình Tỉnh Quảng Ninh - Mỗi xã phường một sản phẩm.	<ul style="list-style-type: none">- Đầu tư sản xuất, chế biến bảo quản và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ thuộc Chương trình Tỉnh Quảng Ninh- Mỗi xã, phường một sản phẩm":+ Đầu tư, mở rộng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm OCOP+ Đầu tư thiết bị, máy móc, công nghệ phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm OCOP+ Đầu tư nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến sản phẩm OCOP+ Đầu tư trung tâm, điểm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm OCOP+ Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển, kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, du lịch văn hóa trên địa bàn nông thôn	

STT	Lĩnh vực	Nội dung cụ thể	Ghi chú
4	Đầu tư mới hoặc mở rộng quy mô các cơ sở chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Lĩnh vực các sản phẩm nông nghiệp, bao gồm: Nhà máy chế biến nông sản; Nhà máy giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; Các kho bảo quản nông sản sau thu hoạch. - Lĩnh vực các sản phẩm thủy sản, bao gồm: Nhà máy chế biến thủy sản; Kho bảo quản thủy sản. - Lĩnh vực Lâm nghiệp, bao gồm: Các nhà máy chế biến ván ép; Các cơ sở chế gỗ nội thất, mỹ nghệ; Các cơ sở chế biến lâm sản ngoài gỗ (song, mây, tre...). 	
5	Đầu tư tiêu thụ nông, lâm, thủy sản hàng hoá thông qua hợp đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng tiêu thụ nông, lâm, thủy sản hàng hoá ký trực tiếp giữa các doanh nghiệp với người sản xuất theo các hình thức: - Ứng trước vốn, vật tư, hỗ trợ kỹ thuật, công nghệ và mua lại hàng hoá nông, lâm, thủy sản; - Bán vật tư mua lại hàng hoá nông, lâm, thủy sản; - Trực tiếp tiêu thụ hàng hoá nông, lâm, thủy sản; - Liên kết sản xuất: hộ nông dân sử dụng giá trị quyền sử dụng đất để góp vốn cổ phần, liên doanh liên kết với doanh nghiệp hoặc cho doanh nghiệp thuê đất sau đó nông dân được sản xuất trên đất đã góp cổ phần, liên doanh liên kết hoặc cho thuê và bán lại nông sản cho doanh nghiệp tạo sự gắn kết bền vững giữa nông dân và doanh nghiệp. 	
6	Đầu tư các hoạt động dịch vụ hậu cần nghề cá hoạt động bắt hải sản ở vùng biển xa bờ.	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư các nhà máy sản xuất nước đá, ngư lưới cụ; Đầu tư phương tiện dịch vụ, bao gồm: Tàu thu mua cá, tàu chở dầu phục vụ ngư dân; Đầu tư các cảng cá, bến cá. - Đầu tư hoạt động đánh bắt hải sản vùng biển xa bờ (dành cho tàu có công suất từ 90CV trở lên):, bao gồm: Đầu tư đóng mới, sửa chữa, hoán cải tàu thuyền khai thác thủy sản xa bờ; Mua, thuê các trang thiết bị, ngư cụ, nhân công, mua dầu, thiết bị thông tin liên lạc, máy dò cá, trang thiết bị an toàn trên tàu, lưới cụ, máy móc thiết bị lắp đặt trên tàu phục vụ khai thác thủy sản... - Các hộ dân đầu tư sản xuất, kinh doanh ra sinh sống lâu dài tại Đảo Trần: Đóng mới, cải hoán tàu (tàu khai thác thủy sản, tàu dịch vụ hậu cần nghề cá), đầu tư nuôi cá lồng bè theo Nghị quyết số 101/2013/NQ-HĐND ngày 19/7/2013). 	
7	Kinh doanh, cung ứng máy móc, vật tư ngành nông, lâm, ngư nghiệp; Đầu tư các ngành nghề nông thôn, dịch vụ du lịch sinh thái trên địa bàn nông thôn có sử dụng lao động nông thôn.	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh, cung ứng vật tư, máy móc ngành nông, lâm ngư nghiệp tại địa bàn nông thôn, bao gồm: Các loại máy công cụ nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp; Các vật tư ngành nông nghiệp: Giống cây trồng, các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư khác phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp. - Đầu tư theo các ngành nghề nông thôn, dịch vụ du lịch sinh thái trên địa bàn nông thôn có sử dụng lao động nông thôn: Các cơ sở sản xuất, hộ gia đình sản xuất trong các các làng nghề nông thôn được công nhận (sản phẩm sản xuất phù hợp với sản phẩm của làng nghề); Sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, cơ khí nhỏ; Xứ lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn; Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; Gây trồng và kinh doanh sinh vật cảnh; Xây dựng, vận tải trong nội bộ xã, liên xã và các dịch vụ khác phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn; Dịch vụ du lịch sinh thái. 	